

GIẤY PHÉP THẨM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; số 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng; số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của Công ty TNHH Minh Danh ngày 16/7/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo kết quả thẩm định số 366/BC-SNNMT ngày 04/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Minh Danh (địa chỉ tại Cụm công nghiệp Đông La, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên) thăm dò nước dưới đất theo Thiết kế

giếng thăm dò nước dưới đất dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm may, da xuất khẩu và phụ kiện ngành dệt may, với các nội dung sau:

1. Mục đích thăm dò: Tìm kiếm nguồn nước dưới đất phục vụ hoạt động dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm may, da giày xuất khẩu và phụ kiện ngành dệt may, tại xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy mô thăm dò:

- Tổng số giếng thăm dò: 02 giếng.

- Tổng lưu lượng thăm dò: 101 m³/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò: Tại thôn 02, xã Yên Ninh, tỉnh Thanh Hóa (được UBND tỉnh cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thuê đất tại Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 29/6/2025).

(có Sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo)

4. Tầng chứa nước thăm dò (tầng chứa nước không áp): Tầng chứa nước lỗ hổng trong các trầm tích Pleistocen (qp).

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(Có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo).

6. Thời hạn giấy phép là 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Minh Danh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý về tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò nước dưới đất.

4. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

5. Thực hiện trám lấp giếng khoan không sử dụng sau khi hoàn thành thăm dò theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng được ban hành tại Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Minh Danh còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh
- Cục Quản lý TNN;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Yên Ninh;
- Công ty TNHH Minh Danh;
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU
Theo thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất của Công ty TNHH Minh Danh
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Dạng công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Lập thiết kế giếng thăm dò	Báo cáo	1	
II	Thi công thiết kế giếng thăm dò			
1	Công tác thu thập tài liệu			
-	Số liệu khí tượng thủy văn	Yêu tố/năm	08	
-	Số liệu địa chất thủy văn	Yêu tố/năm	03	
2	Công tác khảo sát địa vật lý			
-	Đo sâu điện	Điểm	10	
3	Công tác trắc địa	Điểm	12	
4	Công tác khoan và kết cấu giếng khoan			
-	Khoan thăm dò đường kính d = 140mm	m/lỗ khoan	140/2	
-	Khoan mở rộng đường kính d = 150mm	m/lỗ khoan	140/2	
-	ống chống Φ125	m	90	
	ống lọc Φ125	m	30	
-	ống lắng Φ125	m	20	
5	Công tác thí nghiệm bơm thí nghiệm			
-	Bơm thổi rửa	ca máy/lỗ khoan	4/2	
-	Hút nước giặt cấp	ca máy/lỗ khoan	2/2	
-	Hút nước thí nghiệm	ca máy/lỗ khoan	6/2	
-	Đo hồi thủy	ca máy/lỗ khoan	6/2	
6	Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu nước			
-	Mẫu toàn diện	mẫu	01	
-	Mẫu phân tích vi sinh	mẫu	01	
7	Số liệu, tài liệu, kết quả thăm dò	Bộ	01	
8	Báo cáo kết quả thi công giếng	Báo cáo	01	
9	Lắp thiết bị bơm nước lỗ khoan	LK	02	

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH THĂM DÒ
Theo thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất của Công ty TNHH Minh Danh
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TOẠ ĐỘ ĐIỂM MỐC GÓI HẠN KHU VỰC THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

M1	2210170.886	559847.261
M2	2210085.379	560058.557
M3	2209786.320	559797.002
M4	2209919.278	559608.897

